

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
VỀ NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN NĂM 2012

Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu tính từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

I. ĐỊNH NGHĨA NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Hoạt động khoa học và công nghệ: là những hoạt động có tính hệ thống liên quan chặt chẽ với việc tạo lập, thúc đẩy, truyền bá và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ trong mọi lĩnh vực khoa học và công nghệ. Các lĩnh vực này bao gồm các hoạt động như nghiên cứu và phát triển, giáo dục và đào tạo về khoa học và công nghệ và các dịch vụ khoa học và công nghệ.

Nghiên cứu và phát triển: bất kỳ một công việc có tính hệ thống và sáng tạo được tiến hành nhằm gia tăng nguồn tri thức, bao gồm tri thức nhân loại, văn hóa và xã hội và sử dụng những tri thức này để phát minh ra những ứng dụng mới.

Các loại hình nghiên cứu:

Nghiên cứu cơ bản: là những nghiên cứu nhằm phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy nhằm để nâng cao hiểu biết, tạo ra tri thức mới mà không nhất thiết phải có ứng dụng cụ thể.

Nghiên cứu ứng dụng: là những nghiên cứu nhằm thu được những hiểu biết mới để xác định khả năng ứng dụng của những kết quả nghiên cứu cơ bản hoặc để xác định những cách thức, hướng đi mới để đạt được những mục đích đã xác định trước.

Triển khai thực nghiệm: là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để làm thực nghiệm nhằm tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới;

Sản xuất thử nghiệm: là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

II. PHÂN BIỆT NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Các hoạt động liên quan tới KH&CN nhưng không được tính là nghiên cứu và phát triển bao gồm:

- Giáo dục và đào tạo
- Các dịch vụ KH&CN/Các hoạt động KH&CN khác
- Các hoạt động công nghiệp khác
- Các hoạt động quản trị và hỗ trợ
- Thu thập dữ liệu vì mục đích chung
- Tiêu chuẩn và đo lường
- Nghiên cứu khả thi
- Chăm sóc sức khỏe đặc biệt
- Công tác sở hữu trí tuệ
- Phát triển phần mềm thông thường

Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn:

- (i) *Các dịch vụ KH&CN của thư viện, lưu trữ, trung tâm thông tin và tư liệu, các đơn vị tra cứu, trung tâm hội nghị khoa học, ngân hàng dữ liệu và các cơ quan xử lý thông tin.*
- (ii) *Các dịch vụ KH&CN của các viện bảo tàng khoa học và/hoặc công nghệ, vườn thực vật và vườn thú và các bộ sưu tập khoa học khác (nhân chủng học, khảo cổ học, địa chất...).*

- (iii) Công việc có tính hệ thống về dịch thuật, hiệu đính các loại sách và tạp chí KH&CN (trừ sách giáo khoa phổ thông và giáo trình đại học).
- (iv) Các cuộc điều tra về địa hình, địa chất và thủy văn; các quan trắc thường xuyên về thiên văn, khí tượng, địa chấn; điều tra về thổ nhưỡng và thực vật, các nguồn tài nguyên hoang dã; kiểm tra đất, nước, không khí; kiểm tra thường nhật và quan trắc mức phóng xạ.
- (v) Điều tra thăm dò và các công việc liên quan nhằm định vị và xác định tài nguyên khoáng sản, dầu mỏ.
- (vi) Thu thập thông tin về nhân loại, các hiện tượng xã hội, kinh tế và văn hóa, tập hợp những thông tin thống kê thường ngày như điều tra dân số, thống kê sản lượng, phân phối và tiêu thụ, nghiên cứu thị trường, thống kê xã hội và văn hóa, v.v.
- (vii) Kiểm định, tiêu chuẩn hóa, đo lường và kiểm soát chất lượng: công việc thường xuyên về phân tích, kiểm tra, kiểm nghiệm bằng những biện pháp được công nhận các vật liệu, sản phẩm, thiết bị và quy trình, cùng với việc thiết lập và duy trì các tiêu chuẩn và chuẩn đo lường.
- (viii) Công việc thường xuyên hàng ngày để tư vấn cho khách hàng, các bộ phận khác của tổ chức hoặc người dùng độc lập, được thiết kế để giúp họ tận dụng thông tin khoa học, công nghệ và quản lý. Hoạt động này cũng bao hàm các dịch vụ khuyến nông, khuyến công và tư vấn do nhà nước tổ chức cho nông dân và ngành công nghiệp mà không bao gồm các hoạt động thông thường trong lập kế hoạch dự án hoặc các phòng kỹ thuật.
- (ix) Các hoạt động liên quan đến bằng sáng chế và li xăng: công việc có tính hệ thống có bản chất khoa học, luật pháp và hành chính về bằng sáng chế và li xăng của các cơ quan nhà nước tiến hành.

Để xác định rõ hoạt động nghiên cứu khoa học, UNESCO đưa ra 4 yếu tố căn bản để xác định hoạt động nào là nghiên cứu khoa học là:

- Tính sáng tạo
- Tính mới/đổi mới
- Sử dụng phương pháp khoa học

- Tạo ra những tri thức mới.

III. HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

1. Thông tin chung về đơn vị báo cáo

1.1. Tên đơn vị

Ghi tên đầy đủ của đơn vị như trong Quyết định thành lập hoặc trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN. Không viết tắt các từ trong tên trừ khi đó là những từ viết tắt có trong tên của đơn vị.

Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên và của từ đầu tiên của từng cụm từ.
Ví dụ:

Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia

Viện Công nghệ Thông tin

Nếu tên đơn vị có chứa thành phần là tên riêng của người hoặc địa danh, viết hoa tất cả các chữ đầu tiên của tên riêng của người và địa danh. Ví dụ:

Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Tên giao dịch:

Ghi tên viết tắt thường được sử dụng trong giao dịch. Nếu tên giao dịch được viết bằng các chữ cái đầu của các từ của tên thì viết các chữ cái bằng chữ in hoa và không để khoảng trống ở giữa chúng. Ví dụ:

NASATI

VAST

Không dùng dấu chấm để phân cách các chữ cái viết tắt (N.A.C.E.S.T.I, V.A.S.T).

1.2. Địa chỉ:

Ghi tách thành:

- Số nhà, đường phố, phường, quận/huyện hoặc thôn, xã, huyện;
- Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

Ví dụ: Cục Thông tin KH&CN Quốc gia

Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm

Tỉnh/Tp: Hà Nội

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không ghi thêm chữ tỉnh hoặc Tp. (hoặc Thành phố) trừ trường hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Ví dụ:

Hà Nội

Tp. Hồ Chí Minh

Ví dụ: Trung tâm Thông tin KH&CN Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 79 Trương Định, Quận 1

Tỉnh/Tp: Tp. Hồ Chí Minh (Không ghi: Hồ Chí Minh)

1.3. Phương tiện liên lạc

Ghi các phương tiện sử dụng liên lạc với đơn bị báo cáo gồm: Số điện thoại, số máy Fax, địa chỉ thư điện tử (Email), trang Web.

Đối với số điện thoại và fax, ghi cả mã vùng và số điện riêng. Phân cách mã vùng và số điện thoại/fax bằng dấu gạch ngang. Không cần phân cách các số thành các nhóm số.

04-39349923 không ghi 04-3934 9923 hoặc 04-3934-9923

063-33822191

Email: Ghi địa chỉ Email của cơ quan nếu có. Trường hợp không có email chung của cơ quan, ghi địa chỉ email của Thủ trưởng đơn vị.

bhung@vista.gov.vn

Website: Ghi địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị báo cáo nếu có. Ví dụ:

http://www.vista.vn

1.4. Thông tin về thủ trưởng đơn vị

Ghi rõ họ và tên của thủ trưởng cơ quan, người đứng đầu đơn vị. Ghi rõ học vị, chức danh và thông tin liên hệ.

1.5. Thành phần kinh tế:

Chỉ chọn và đánh dấu vào một mục phù hợp nhất:

Nhà nước Ngoài nhà nước Có vốn đầu tư nước ngoài

1.6. Tên cơ quan cấp trên trực tiếp

Ghi tên đơn vị/tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý của đơn vị báo cáo. Ví dụ, nếu đơn vị báo cáo là Viện Công nghệ Sinh học thuộc Viện KH&CN Việt Nam, thì ghi cơ quan quản lý trực tiếp là Viện KH&CN Việt Nam.

Ví dụ, Viện Nghiên cứu Hạt nhân thuộc Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam, Bộ KH&CN, thì cơ quan quản lý trực tiếp của Viện nghiên cứu hạt nhân là Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam.

1.7. Tên cơ quan chủ quản

Nếu đơn vị báo cáo thuộc Bộ/ngành, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì ghi tên Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là chủ quản của đơn vị đó. Ví dụ:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Công thương

Toà án nhân dân tối cao

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Nếu đơn vị báo cáo là do tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, ghi: UBND và tên tỉnh hoặc Tp. trực thuộc Trung ương chủ quản. Ví dụ:

UBND Hà Nội

UBND Tp. Hồ Chí Minh

UBND Hà Nam

Nếu cơ quan chủ quản là cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, thì ghi tên của tổ chức đó. Ví dụ:

Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

Nếu cơ quan chủ quản là tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trực thuộc Chính phủ, ghi tên tập đoàn, tổng công ty chủ quản.

1.8. Mô tả lĩnh vực nghiên cứu chính của đơn vị

Mô tả ngắn gọn lĩnh vực nghiên cứu hay hoạt động chính của đơn vị; Nếu có nhiều lĩnh vực nghiên cứu, xin cho biết tỷ trọng của từng lĩnh vực trong toàn bộ hoạt động (Chú ý: Tổng tỷ trọng phải là 100%). Có thể xác định lĩnh vực dựa theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

Mã lĩnh vực do cơ quan thống kê ghi.

1.9. Loại hình hoạt động nghiên cứu chính của đơn vị

Ghi loại hình nghiên cứu chính của đơn vị. Nếu thực hiện nhiều loại hình, cho biết tỷ trọng giữa các loại hình (Chú ý: Tổng tỷ trọng của 4 loại hình phải là 100%)

2. Thông tin về nhân lực nghiên cứu và phát triển (số liệu tại thời điểm 31/12/2011)

2.1 Nhân lực trực tiếp tham gia tham gia hoạt động NC&PT của đơn vị chia theo loại hình nhiệm vụ

Là toàn bộ số cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia hoạt động NC&PT. Nhân lực NC&PT chia theo 3 nhóm: Cán bộ nghiên cứu - Nhà nghiên cứu/nhà khoa học (có trình độ cao đẳng trở lên), cán bộ kỹ thuật, nhân viên hỗ trợ và nhân lực khác.

- **Cán bộ nghiên cứu:** là những cán bộ chuyên nghiệp có trình độ cao đẳng/đại học, thạc sỹ và tiến sỹ hoặc không có trình văn bằng chính thống, song làm công việc tương đương như nhà nghiên cứu/nhà khoa học tham gia vào quá trình tạo ra những tri thức, sản phẩm và quá trình mới, tạo ra phương pháp và hệ thống mới, tham gia; dành tối thiểu 10% thời gian cho hoạt động NC&PT. Nhóm này bao gồm cả những nhà quản lý trực tiếp hoạt động NC&PT.

- **Cán bộ kỹ thuật:** bao gồm những người thực hiện nhiệm vụ có kinh nghiệm và hiểu biết kỹ thuật trong một trong những lĩnh vực của KH&CN. Họ tham gia vào NC&PT bằng việc thực hiện những nhiệm vụ khoa học và kỹ thuật có áp dụng những khái niệm và phương pháp vận hành dưới sự giám sát của cán bộ nghiên cứu. Gồm kỹ thuật viên, nhân viên phòng thí nghiệm có trình độ Trung cấp và tương đương.
- **Nhân viên hỗ trợ:** bao gồm những người có hoặc không có kỹ năng, nhân viên hành chính và văn phòng tham gia vào dự án NC&PT. Trong nhóm này bao gồm cả những người làm quản lý và quản trị hành chính và các việc liên quan đến nhân sự, tài chính và hành chính nếu các công việc của họ trực tiếp phục vụ công việc NC&PT.
- **Nhân lực khác:** là những người trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển không thuộc các nhóm trên.

Những người làm công việc phục vụ gián tiếp như căng tin, tạp vụ, vệ sinh, lái xe, bảo vệ, thường trực... thì không được coi là nhân lực NC&PT.

- Đối với các viện, trung tâm nghiên cứu và phát triển chuyên trách, ghi toàn bộ số nhân lực của đơn vị, kể cả những người làm trong khu vực hành chính, nhưng không tính những người chỉ tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các bộ phận chuyên sản xuất, kinh doanh (nhưng nếu có thực hiện sản xuất thử nghiệm thì vẫn tính vào nhân lực NC&PT)
- Đối với trường đại học, cán bộ NC&PT là những người thuộc các viện/trung tâm chuyên nghiên cứu của trường. Ngoài ra còn bao gồm cả cán bộ giảng dạy có làm NC&PT nhưng phải dành nhiều hơn 10% thời gian cho NC&PT. Nếu dưới 10% thì không tính là cán bộ NC&PT.
- Đối với Cơ quan quản lý nhà nước (các Tổng cục, Cục, Sở KH&CN...), hành chính, sự nghiệp công lập có hoạt động NC&PT (các bệnh viện, các tổ chức dịch vụ KH&CN...) thì chỉ tính những người có tham gia đề tài, dự án.

Chú ý xác định rõ số lương và số Nữ

Mục tổng số 05 = mục 01+02+03+04

2.2 Cán bộ nghiên cứu chia theo trình độ chuyên môn và chức danh

Phần này chỉ tính những người đã được tính trong Mục 1 của Bảng 1 của Phiếu điều tra. Đây là những người có trình độ cao đẳng trở lên. Đối với viện, trung tâm chuyên thực hiện NC&PT, cán bộ nghiên cứu gồm tất cả những cán bộ có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, đối với trường đại học, cao đẳng, học viện là cán bộ giảng dạy và nghiên cứu dành tối thiểu 10% thời gian tham gia hoặc phục vụ công tác NC&PT. Đối với cơ quan quản lý nhà nước, hành chính, sự nghiệp công lập có hoạt động NC&PT thì chỉ tính những người có tham gia đề tài, dự án

Chia theo trình độ chuyên môn: Chia theo 4 trình độ: 1. Tiến sĩ; 2. Thạc sĩ; 3. Đại học; 4. Cao đẳng;

Mục 01 = 02+03+04+05

Chia theo chức danh GS, PGS: Chỉ tính những người có chức danh Giáo sư và Phó giáo sư.

Mục 06 = 07+08

Số lượng trong mục (01) của bảng này phải bằng số lượng trong mục (01) của bảng 1

2.3. Số cán bộ nghiên cứu chia theo lĩnh vực nghiên cứu

Phần này chỉ tính những người có trình độ cao đẳng trở lên, dựa vào lĩnh vực đang nghiên cứu, không phải theo chuyên ngành đào tạo. Điền chi tiết đến cấp 1 theo Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH-CN bao gồm:

- Khoa học tự nhiên
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ
- Khoa học y, dược
- Khoa học nông nghiệp
- Khoa học xã hội
- Khoa học nhân văn

Mục Tổng số 07 = 01+02+03+04+05+06

Số lượng trong mục tổng số (07) của bảng này phải bằng số lượng trong mục (01) của bảng 1

3. Thông tin về Chi phí cho hoạt động NC&PT (trong năm 2011)

3.1 Chi phí cho hoạt động NC&PT chia theo nguồn cấp kinh phí

Nguồn cấp kinh phí được chia thành 3 loại nguồn:

- Từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả các nguồn có tính chất ngân sách nhà nước), được chia thành ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách Trung ương bao gồm kinh phí cân đối từ Bộ KH&CN và từ các Bộ ngành. Ngân sách địa phương là nguồn được cân đối từ ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước bao gồm từ các doanh nghiệp và từ trường đại học;
- Nguồn từ nước ngoài.

Mục tổng số 08 = 01+04+07

Đơn vị tính: triệu đồng

3.2 Chi phí cho NC&PT theo loại chi

- **Đối với Viện nghiên cứu/trung tâm nghiên cứu và phát triển, tổ chức ngoài nhà nước có hoạt động nghiên cứu và phát triển (là đơn vị có chức năng chủ yếu là NC&PT):** đó là mọi chi phí cho NC&PT, chi phí thường xuyên (như mua vật tư tiêu hao, văn phòng phẩm, thiết bị cho NC&PT, điện nước, nhiên liệu, tư liệu, tạp chí, bưu điện, quản lý...), lương của cán bộ, khấu hao, xây dựng cơ bản, thuê mướn đất đai, nhà xưởng, mua sắm thiết bị vật tư nghiên cứu của cơ quan. Tuy nhiên, Không tính vào đây các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cụ thể, chi phí cho NC&PT bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển là khoản chi cho việc xây dựng cơ bản và phát triển cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước.
- Chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển bao gồm
 - + Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN bao gồm các đầu mục sau:

- Đề tài/dự án cấp nhà nước
- Đề tài/dự án cấp Bộ
- Đề tài/dự án cấp Tỉnh/Thành phố
- Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
- Nhiệm vụ KH&CN khác

+ Chi tiền lương, tiền công

+ Chi cho hoạt động của cơ quan

- Chi khác: là các khoản chi phục vụ hoạt động NC&PT không thuộc các khoản chi trên

Mục Tổng chi 12=01+02+11

Đơn vị tính: triệu đồng

- **Đối với trường đại học:** Chi tính các chi phí thực hiện đề tài nghiên cứu của giáo viên, nghiên cứu sinh cấp tiến sĩ. Bao gồm cả các chi phí cho thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu do Nhà nước cấp, thực hiện theo hợp đồng với cơ quan ngoài, nhận từ các dự án của nước ngoài, tổ chức quốc tế, Không tính chi phí cho công tác giảng dạy, đào tạo sinh viên, xây dựng trường sở,.... . Chi phí cho thư viện nhà trường, xây dựng trung tâm máy tính phục vụ đào tạo sẽ không tính vào chi phí cho NC&PT.

Cụ thể, chi phí cho NC&PT bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển là khoản chi cho việc xây dựng cơ bản và phát triển cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước, ví dụ: xây dựng phòng thí nghiệm.

- Chi cho đề tài, dự án nghiên cứu bao gồm:

- Đề tài/dự án cấp nhà nước
- Đề tài/dự án cấp Bộ
- Đề tài/dự án cấp Tỉnh/Thành phố
- Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
- Nhiệm vụ KH&CN khác

- Chi khác: là các khoản chi phục vụ hoạt động NC&PT không thuộc các khoản chi trên

Mục Tổng chi nghiên cứu và phát triển 09=01+02+08

Đơn vị tính: triệu đồng

- **Đối với Cơ quan quản lý nhà nước, hành chính, sự nghiệp công lập có hoạt động NC&PT:** chỉ tính chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển bao gồm chi phí thực hiện đề tài và các nhiệm vụ KH&CN, cụ thể bao gồm:

- Đề tài/dự án cấp nhà nước
- Đề tài/dự án cấp Bộ
- Đề tài/dự án cấp Tỉnh/Thành phố
- Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
- Nhiệm vụ KH&CN khác

Mục Chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển 01=02+03+04+05+06

Đơn vị tính: triệu đồng

3.3 Chi phí cho hoạt động NC&PT chia theo lĩnh vực nghiên cứu

Tổng chi cho NC&PT là tổng chi phí trong để thực hiện công việc NC&PT tại đơn vị thống kê, không phân biệt nguồn kinh phí. Đó là chi phí mà một đơn vị đã nhận từ các nguồn khác nhau (không phân biệt nguồn cấp hay xuất xứ) để tiến hành hoạt động NC&PT (kể cả chi phí cho nghiên cứu làm thuê cho các cơ quan ngoài). Tuy nhiên, chi phí này không bao gồm các chi phí dành cho NC&PT nhưng không do chính đơn vị thống kê thực hiện (ví dụ, chuyển cho cơ quan ngoài thực hiện)

Chi phí cho NC&PT chia theo các lĩnh vực nghiên cứu sau:

- Khoa học tự nhiên
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ
- Khoa học y, dược
- Khoa học nông nghiệp
- Khoa học xã hội

- Khoa học nhân văn

Mục Tổng số 07 = 01+02+03+04+05+06

Đơn vị tính: triệu đồng

3.4 Chi phí cho hoạt động NC&PT chia theo loại hình nghiên cứu

Ghi rõ các khoản chi cho NC&PT theo các loại hình nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu cơ bản

- Nghiên cứu ứng dụng

- Triển khai thực nghiệm: là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để làm thực nghiệm nhằm tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới;

- Sản xuất thử nghiệm: là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

Mục tổng số 05=01+02+03+04

Đơn vị tính: triệu đồng.

4. Thông tin về Hoạt động nghiên cứu và phát triển (trong năm 2011)

4.1. Hoạt động nghiên cứu và phát triển

Thuật ngữ "Đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ" (thường được gọi chung là "đề tài/dự án") được sử dụng để chỉ các loại hình nhiệm vụ KH&CN được tổ chức thực hiện dưới hình thức: Đề tài và Dự án.

Đề tài là loại nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu nghiên cứu về một chủ đề KH&CN. Đề tài có thể là độc lập hoặc thuộc dự án, chương trình KH&CN.

Dự án là nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, áp dụng, thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội. Dự án có thể độc lập hoặc thuộc chương trình KH&CN.

Đề tài/dự án đã được nghiệm thu là những đề tài đã được hội đồng KH&CN chuyên ngành được thành lập theo quyết định của người đứng đầu cơ

quan, đơn vị có thẩm quyền (Ví dụ, Hội đồng cấp nhà nước đối với đề tài cấp nhà nước; Hội đồng cấp Bộ đối với đề tài cấp Bộ) đánh giá nghiệm thu theo quy định của Pháp luật. Không tính những đề tài mới chỉ qua bước nghiệm thu cấp cơ sở.

Chỉ tính những đề tài/dự án mà đơn vị báo cáo là cơ quan chủ trì nhiệm vụ; không tính những đề tài/dự án mà đơn vị chỉ tham gia với tư cách cơ quan phối hợp để tránh trùng lặp.

Chia theo cấp quản lý: ghi số lượng đề tài theo cấp quản lý đề tài: Cấp nhà nước; Cấp Bộ/ngành; Cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương; Cấp cơ sở và khác.

- Đề tài cấp Nhà nước là những đề tài thuộc các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước, những đề tài độc lập cấp nhà nước hoặc những nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo nghị định thư. Những nhiệm vụ này do Bộ trưởng Bộ KH&CN quyết định thực hiện hoặc phê duyệt danh mục.

- Đề tài cấp Bộ/ngành là những nhiệm vụ KH&CN do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ cơ quan thuộc chính phủ, lãnh đạo của cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, chính trị xã hội, xã hội – nghề nghiệp quyết định thực hiện hoặc uỷ quyền quyết định thực hiện.

- Đề tài cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là những nhiệm vụ do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thực hiện hoặc uỷ quyền quyết định thực hiện.

- Đề tài cấp cơ sở là đề tài do cơ quan, đơn vị quyết định thực hiện.

- Khác: bao gồm loại khác không nêu ở trên. Những loại này có thể bao gồm loại đề tài HTQT không phải Nghị định thư như các đề tài HTQT với nước ngoài, sử dụng kinh phí do ngoài nhà nước hoặc do nước ngoài cấp.

Chỉ tính số đề tài/dự án do đơn vị chủ trì thực hiện.

Tổng số đề tài/dự án 01 = 02+03+04+05+06.

Lưu ý trong hoạt động nghiên cứu và phát triển có liệt kê số đề tài/dự án có chủ nhiệm là nữ.

4.2. Kết quả/sản phẩm của hoạt động NC&PT

Kết quả của hoạt động NC&PT được phản ánh dưới các loại sản phẩm sau:

- Số công nghệ mới/cải tiến đã chuyển giao cho sản xuất: là số công nghệ lần đầu được tạo ra hoặc được nâng cấp và được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ vào sản xuất. Đơn vị tính là công nghệ.

- Doanh thu từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ/kết quả nghiên cứu: là số tiền thu được từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc từ kết quả nghiên cứu. Đơn vị tính là triệu đồng.

- Số tiến sĩ đã đào tạo được trong năm: là số người đã nhận được bằng tiến sĩ được đào tạo cả ở trong nước và nước ngoài nằm trong nội dung hoạt động của các đề tài/đề án nghiên cứu. Đơn vị tính là người.

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
VỀ NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN NĂM 2012
ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG NC&PT**

Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu tính từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

15. Cán bộ khoa học và đầu tư, nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ năm 2011

15.1. Cán bộ trực tiếp hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ có đến cuối năm 2011

Là những người có trình độ từ cao đẳng trở lên (hoặc tương đương, không được cấp bằng nhưng được cấp có thẩm quyền công nhận) do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, có nhiệm vụ chuyên trách và trực tiếp tham gia nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và các hoạt động khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

Cột 1: Ghi tổng số cán bộ trực tiếp hoạt động khoa học và công nghệ có đến cuối năm 2011 của toàn doanh nghiệp.

Cột 2, 3, 4, 5, 6: Ghi số cán bộ trực tiếp hoạt động khoa học và công nghệ đạt các loại trình độ: Tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, khác (cột 1 = cột 2+3+4+5+6).

15.2. Chi phí đầu tư cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ năm 2011

Cột A: Tổng chi phí cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong năm: Là toàn bộ các chi phí cho nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ chi phí sản xuất, thay thế nguyên liệu mới, sản phẩm mới... (kể cả chi phí cho thử nghiệm trước khi đưa vào ứng dụng) và toàn bộ chi phí cho đầu tư ứng dụng để đổi mới công nghệ cũ, bao gồm chi phí thiết bị, chi phí XD/CB (nếu có), chi phí chạy thử.

Trong đó ghi riêng:

- Chi phí đầu tư cho nghiên cứu và phát triển bao gồm chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Chi phí đầu tư cho đổi mới công nghệ, trong đó tách riêng chi cho việc mua máy móc, thiết bị và chi phí cho việc nhập và áp dụng công nghệ mới; chi cho việc mua, khai thác các sáng chế để áp dụng cho quá trình sản xuất, cải tiến và đổi mới sản phẩm.

Cột 1: Ghi tổng chi phí của doanh nghiệp trong năm 2011 cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, gồm: tổng chi phí cho công tác nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật, cải tiến công nghệ, chi phí cho đầu tư phát triển và đổi mới công nghệ (kể cả chi mua phát minh, mua bản quyền khai thác sáng chế...).

Cột 2: Ghi số tiền đầu tư từ nguồn Nhà nước cấp: Từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả các nguồn có tính chất ngân sách nhà nước), cả ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách Trung ương bao gồm kinh phí cân đối từ Bộ KH&CN và từ các Bộ, ngành khác.

Cột 3: Ghi số tiền đầu tư từ vốn của doanh nghiệp: Là số tiền trích từ quỹ tích lũy mở rộng sản xuất, tiền thanh lý TSCĐ để lại và các nguồn tự có khác của doanh nghiệp.

Cột 4: Ghi số tiền đầu tư từ nguồn nước ngoài: Là nguồn đầu tư hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, vay của các tổ chức, cá nhân nước ngoài (kể cả ngân hàng nước ngoài đóng tại Việt Nam).

Cột 5: Ghi số tiền đầu tư từ nguồn khác: Gồm vay của các tổ chức, cá nhân trong nước, huy động từ cán bộ công nhân viên, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong nước, vốn chiếm dụng...

15.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2011

Cột A: Gồm nội dung hoạt động và sản phẩm hoạt động khoa học và công nghệ:

Số chương trình, đề tài/dự án nghiên cứu mà doanh nghiệp đã triển khai hoặc cùng với các đơn vị, cá nhân ngoài doanh nghiệp phối hợp nghiên cứu và triển khai trong năm 2011 (không bao gồm chương trình, đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng của năm trước chuyển sang).

Số sáng chế được cấp bằng bảo hộ: Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên. Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế nếu đáp ứng các điều kiện: Có tính mới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp.

Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của đơn vị, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

Số văn bằng sở hữu công nghiệp được cấp: Nhãn hiệu hàng hoá, chỉ dẫn địa lý...

Số sáng kiến, giải pháp kỹ thuật được áp dụng trong năm 2011: theo tất cả các cấp độ sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, không phân biệt sáng kiến, giải pháp đó được nghiên cứu khi nào.

Cột 1: Ghi tổng số các chương trình, đề tài, sáng kiến, giải pháp được thực hiện mới trong năm 2011 theo các dòng tương ứng ở cột A.

Cột 2, 3, 4: Ghi số lượng chương trình, đề tài, sáng kiến, giải pháp thực hiện trong năm 2011 theo cấp: Nhà nước; Bộ, ngành; Tỉnh; Cơ sở; Khác (cột 1 = 2 + 3 + 4+5+6).

Đề tài là loại nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu nghiên cứu về một chủ đề KH&CN. Đề tài có thể là độc lập hoặc thuộc dự án, chương trình KH&CN. Dự án là nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, áp dụng, thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội. Dự án có thể độc lập hoặc thuộc chương trình KH&CN. Chương trình gồm nhiều đề tài hoặc dự án.

Đề tài cấp Nhà nước là những đề tài thuộc các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước, những đề tài độc lập cấp nhà nước hoặc những nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo nghị định thư. Những nhiệm vụ này do Bộ trưởng Bộ KH&CN quyết định thực hiện hoặc phê duyệt danh mục;

Đề tài cấp Bộ là những nhiệm vụ KH&CN do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ cơ quan thuộc chính phủ, lãnh đạo của cơ quan trung ương của tổ

chức chính trị, chính trị xã hội, xã hội - nghề nghiệp quyết định thực hiện hoặc uỷ quyền phê quyết định thực hiện;

Đề tài cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là những nhiệm vụ do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thực hiện hoặc uỷ quyền quyết định thực hiện;

Đề tài cấp cơ sở là đề tài do cơ quan, đơn vị quyết định thực hiện;

Khác: bao gồm loại khác không nêu ở trên. Những loại này có thể bao gồm loại đề tài HTQT không phải Nghị định thư¹ như các đề tài HTQT với nước ngoài, sử dụng kinh phí do ngoài nhà nước hoặc do nước ngoài cấp.

¹ Đề tài/nhiệm vụ HTQT theo Nghị định thư xếp vào cấp Nhà nước.